



huǒ xīng

火星

noun (proper noun) · Mars

Example Sentences

kē xué jiā zhèng zài yán jiū huǒ xīng shàng de tǔ rǎng
科学家正在研究火星上的土壤。

Scientists are studying the soil on Mars.

rén lèi jì huà zài wèi lái dēng lù huǒ xīng
人类计划在未来登陆火星。

Humans plan to land on Mars in the future.

Trace each character, then write the word on your own.

火	火	火	火	火	火	火								
星	星	星	星	星	星	星	星	星	星	星	星			
星														